

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo quyết định số: 1621/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 19 tháng 7 năm 2013  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Kế toán doanh nghiệp  
(Enterprise Accounting)**  
Trình độ đào tạo: **Đại học**  
Ngành đào tạo: **Kế toán**  
Mã ngành: **52340301**  
Loại hình đào tạo: **Chính quy (Liên thông từ Cao đẳng)**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Đại học Kế toán doanh nghiệp liên thông lên từ cao đẳng chính quy nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng nhanh với những biến đổi trong lĩnh vực kế toán; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Có kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức chuyên môn toàn diện để nghiên cứu, phân tích và tổ chức thực hiện công tác kế toán, kiểm toán hoạt động tài chính của doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Có năng lực nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tổng hợp giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp.

##### **1.2.2. Kỹ năng**

- Phân tích, lựa chọn được mô hình tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Thực hiện thành thạo các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp;
- Phân tích, tổng hợp và đánh giá được các mặt hoạt động kinh tế của doanh nghiệp để cung cấp các thông tin cần thiết cho các nhà quản lý;

- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc theo nhóm; kỹ năng viết, trình bày và thuyết trình vấn đề đặt ra;
- Soạn thảo và trình bày được các văn bản hành chính theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, để nghiên cứu, ứng dụng hiệu quả tiến bộ khoa học - công nghệ trong lĩnh vực kế toán của doanh nghiệp.

### 1.2.3. Thái độ

- Ý thức được tầm quan trọng của lĩnh vực Kế toán đối với phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh; rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành pháp luật, đóng góp cho ngành giao thông vận tải và sự phát triển của đất nước;
- Hình thành đức tính cẩn thận, trung thực, chính xác, khách quan trong lĩnh vực nghề nghiệp;
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để tự học suốt đời.

### 1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp ngành Kế toán làm cán bộ kế toán tại các phòng kế toán tài chính của các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp; giáo viên giảng dạy trong các Trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề...

### 1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 400 điểm TOEIC.

**2. Thời gian đào tạo:** 1.5 năm

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 46 tín chỉ, học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (2 đvht) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>8</b>
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>30</b>	<b>8</b>	<b>38</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	3	6	9
2.2	Kiến thức ngành	15	2	17
2.3	Thực hành, thực tập	4		4
2.4	Khóa luận tốt nghiệp	8		8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>36</b>	<b>10</b>	<b>46</b>

## **4. Đối tượng đào tạo**

**4.1. Đối tượng tuyển sinh:** người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

### **4.2. Môn thi tuyển đầu vào:**

\* Những người tốt nghiệp Cao đẳng sau thời hạn 36 tháng kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ thi lên trình độ Đại học phải dự thi 3 môn gồm:

- Môn cơ bản: Toán học;
- Môn cơ sở ngành: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô;
- Môn chuyên ngành: Kế toán tài chính.

\* Những người tốt nghiệp Cao đẳng chưa đủ 36 tháng kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ thi lên trình độ Đại học phải dự thi tuyển các môn văn hóa (khối thi tùy thuộc vào Chuyên ngành đào tạo) theo đề thi 3 chung trong kỳ thi tuyển sinh Đại học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hàng năm.

## **5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp**

\* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

\* Điều kiện tốt nghiệp: thực hiện theo:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

## **6. Thang điểm**

\* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

\* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ học phần Giáo dục thể chất cấp chứng chỉ).

## **7. Nội dung chương trình**

Chương trình đào tạo Đại học liên thông Kế toán doanh nghiệp được xây dựng theo nguyên tắc so sánh giữa chương trình đào tạo bậc Đại học và chương trình đào tạo bậc Cao đẳng đang áp dụng tại Trường Đại học Công nghệ GTVT. Khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo liên thông được Hội đồng đào tạo liên thông xem xét và Hiệu trưởng quyết định.

### 7.1. So sánh chương trình đào tạo trình độ Đại học và Cao đẳng

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>36 TC</b>	<b>28 TC</b>	<b>8 TC</b>
	<b>* Học phần bắt buộc</b>	<b>32 TC</b>	<b>26 TC</b>	<b>6 TC</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	
6	Tiếng Anh 1	4	4	
7	Tiếng Anh 2	4		4
8	Toán 1	4	4	
9	Toán 2	2		2
10	Lý thuyết xác suất - thống kê	3	3	
11	Tin học đại cương	3	3	
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1 đvht	
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht	1 đvht	
14	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht		1 đvht
15	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht		1 đvht
16	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht	1 đvht	
17	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3 TC	3 TC	
18	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2 TC	2 TC	
19	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3 TC	3 TC	
	<b>* Học phần tự chọn</b>	<b>4 / 8 TC</b>	<b>2 / 6 TC</b>	<b>2 / 8 TC</b>
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		2
2	Soạn thảo văn bản	2	2	2
3	Tâm lý học đại cương	2	2	2
4	Xã hội học	2	2	2
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>106 TC</b>	<b>78 TC</b>	<b>38 TC</b>
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>38 TC</b>	<b>29 TC</b>	<b>9 TC</b>
	<b>* Học phần bắt buộc</b>	<b>32 TC</b>	<b>27 TC</b>	<b>3 TC</b>
1	Kinh tế vi mô	3	3	
2	Kinh tế vĩ mô	3	3	

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
3	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3	
4	Marketing căn bản	3	3	
5	Quản trị học	3	3	
6	Nguyên lý kế toán	3	3	
7	Tài chính - Tiền tệ	3	3	
8	Pháp luật kinh tế	3	3	
9	Kiểm toán căn bản	3	3	
10	Kinh tế lượng	3		3
11	Kinh tế xây dựng	2		
	<b>* Học phần tự chọn</b>	<b>6 / 12 TC</b>	<b>2 / 8 TC</b>	<b>6 / 14 TC</b>
1	Kinh tế xây dựng		2	2
2	Văn hóa kinh doanh	2	2	2
3	Thương mại điện tử	2	2	2
4	Kinh tế quốc tế	2	2	2
5	Kinh tế vận tải	2		2
6	Kinh tế phát triển	2		2
7	Tâm lý học trong quản trị	2		2
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>48 TC</b>	<b>33 TC</b>	<b>17 TC</b>
	<b>* Học phần bắt buộc</b>	<b>42 TC</b>	<b>29 TC</b>	<b>15 TC</b>
1	Tiếng Anh 3	3	3	
2	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2		2
3	Kế toán tài chính 1	3	3	
4	Kế toán tài chính 2	3	3	2
5	Kế toán tài chính 3	3	3	
6	Kế toán tổng hợp	3		3
7	Đồ án Kế toán	2		2
8	Kế toán quản trị	3	3	
9	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3	
10	Thuế	2	2	
11	Kế toán thuế	2	2	
12	Kế toán xây dựng cơ bản	2	2	
13	Thống kê kinh doanh	2	2	
14	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3	
15	Kiểm toán báo cáo tài chính	3		3
16	Quản trị doanh nghiệp	3		3
	<b>* Học phần tự chọn</b>	<b>6 / 10 TC</b>	<b>4 / 10 TC</b>	<b>2 / 10 TC</b>
1	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2	2	2

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
2	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2	2
3	Tin học kế toán	2	2	2
4	Kế toán thương mại	2	2	2
5	Thị trường chứng khoán	2	2	2
<b>II.3</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</b>	<b>12 TC</b>	<b>12 TC</b>	<b>4 TC</b>
1	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1	4	4	
2	Thực hành nghiệp vụ kế toán 2	4	4	
3	Thực tập tốt nghiệp	4	4	4
<b>II.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>8 TC</b>	<b>4 TC</b>	<b>8 TC</b>
1	Khóa luận tốt nghiệp	8	4	8
	<b>Tổng số</b>	<b>142</b>	<b>106</b>	<b>46</b>

## 7.2. Tên và khối lượng các học phần

### 7.2.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 8 TC

Bao gồm 6 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 2 đvht) và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>6 TC</b>
1	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
2	Toán 2	DC1CB18	2
3	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht
4	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 8 TC</b>
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2
2	Soạn thảo văn bản	DC1CB82	2
3	Tâm lý học đại cương	DC1CB85	2
4	Xã hội học	DC1CB83	2

### 7.2.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 38 TC

#### 7.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 9 TC

Bao gồm 3 TC các học phần bắt buộc và 6 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>3 TC</b>
1	Kinh tế lượng	DC2KV63	3
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>6 / 14 TC</b>
1	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2
2	Thương mại điện tử	DC2KV90	2

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
3	Kinh tế quốc tế	DC2KV82	2
4	Kinh tế vận tải	DC2KV84	2
5	Kinh tế phát triển	DC2KV83	2
6	Kinh tế xây dựng	DC2KV65	2
7	Tâm lý học trong quản trị	DC3QT11	2

7.2.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 17 TC

Bao gồm 15 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>15 TC</b>
1	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	DC3KT20	2
2	Kế toán tài chính	DL3KT21	2
3	Kế toán tổng hợp	DC3KT24	3
4	Đồ án Kế toán	DC3KT25	2
5	Kiểm toán báo cáo tài chính	DC3KV43	3
6	Quản trị doanh nghiệp	DC3QT51	3
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 10 TC</b>
1	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2
2	Kế toán hành chính sự nghiệp	DC3KV30	2
3	Tin học kế toán	DC3KT60	2
4	Kế toán thương mại	DC3KV28	2
5	Thị trường chứng khoán	DC3KV92	2

7.2.2.3. Thực hành, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (12 TC bắt buộc):

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
1	Thực tập tốt nghiệp	DC4KT70	4
2	Khóa luận tốt nghiệp	DC4KT80	8

7.3. Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>8</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>				
1	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4	45	30		
2	Toán 2	DC1CB18	2	30			
3	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht	8	22		

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
4	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht	3	27		
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/8</b>				
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
2	Soạn thảo văn bản	DC1CB82	2	30			
3	Tâm lý học đại cương	DC1CB85	2	30			
4	Xã hội học	DC1CB83	2	30			
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>38</b>				
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>9</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>3</b>				
1	Kinh tế lượng	DC2KV63	3	45			DC1CB18
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>6/14</b>				
1	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2	30			
2	Thương mại điện tử	DC2KV90	2	30			
3	Kinh tế quốc tế	DC2KV82	2	30			
4	Kinh tế vận tải	DC2KV84	2	30			
5	Kinh tế phát triển	DC2KV83	2	30			
6	Kinh tế xây dựng	DC2KV65	2	30			
7	Tâm lý học trong quản trị	DC3QT11	2	30			
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>17</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>				
1	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	DC3KT20	2	30			
2	Kế toán tài chính	DL3KT21	2	30			
3	Kế toán tổng hợp	DC3KT24	3	45			
4	Đồ án Kế toán	DC3KT25	2			90	
5	Kiểm toán báo cáo tài chính	DC3KV43	3	45			
6	Quản trị doanh nghiệp	DC3QT51	3	45			
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/10</b>				
1	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2	30			
2	Kế toán hành chính sự nghiệp	DC3KV30	2	30			
3	Tin học kế toán	DC3KT60	2	30			



STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
4	Kế toán thương mại	DC3KV28	2	30			
5	Thị trường chứng khoán	DC3KV92	2	30			
<b>II.3</b>	<b>Thực hành, thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>12</b>				
1	Thực tập tốt nghiệp	DC4KT70	4			180	
2	Khóa luận tốt nghiệp	DC4KT80	8			480	DC4KT70
	<b>Tổng cộng</b>		<b>46</b>				

#### 8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ		
			I	II	III
<b>8.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>8</b>			
1	Tiếng Anh 2	4	4		
2	Toán 2	2	2		
3	GDTC 3: Điện kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht	1		
4	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht	1		
5	Tự chọn 1	2	2		
<b>8.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>38</b>			
<b>8.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>9</b>			
6	Kinh tế lượng	3	3		
7	Tự chọn 2	2	2		
8	Tự chọn 3	2	2		
9	Tự chọn 4	2	2		
<b>8.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>17</b>			
10	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2		2	
11	Kế toán tài chính	2		2	
12	Kế toán tổng hợp	3		3	
13	Đồ án Kế toán	2		2	
14	Kiểm toán báo cáo tài chính	3		3	
15	Quản trị doanh nghiệp	3		3	
16	Tự chọn 5	2		2	
<b>8.2.3</b>	<b>Thực hành, thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>12</b>			
17	Thực tập tốt nghiệp	4			4
18	Khóa luận tốt nghiệp	8			8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>12</b>

## **9. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Chương trình đào tạo Đại học Kế toán doanh nghiệp liên thông từ Cao đẳng thuộc ngành Kế toán, được xây dựng dựa trên cơ sở so sánh giữa chương trình đào tạo trình độ Đại học cho những người có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Kế toán doanh nghiệp; người học được sử dụng kết quả học tập đã có ở trình độ Cao đẳng để học tiếp trình độ Đại học;

- Khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo liên thông được Hội đồng đào tạo liên thông xem xét và Hiệu trưởng quyết định.

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Tài liệu giảng dạy, học tập và tham khảo lấy theo giáo trình hoặc bài giảng chuẩn nhà trường đã biên soạn cho hệ Đại học chính quy.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. ĐỖ NGỌC VIỆN**